TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị A.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Duy Niên và ông Bùi Gia Khánh.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXX - ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Hữu H, xã Phúc T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị **Đỗ Thị A**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Phúc T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng: Ông **Đỗ Quang T**, sinh năm 1960,

Địa chỉ: thôn Tân H, xã Phúc T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

(Anh B và chị A đều có đơn xin xử vắng mặt. Ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2024, bản tự khai đề ngày 31 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị A tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 8 năm 2015 tại UBND xã Phúc T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh và chị A sống tại thôn Hữu H, xã Phúc T, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Hai vợ chồng anh đã nhiều lần tìm biện pháp để hòa giải, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng anh đã sống ly thân do chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị A ở thôn Tân H, xã Phúc T sinh sống từ tháng 9/2015 đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị A. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A.

Về con chung: Anh và chị A có 01 con chung là: Đỗ Phạm Quang Ph, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2016. Hiện nay con Ph đang sống cùng với chị A và bố mẹ đẻ chị An ở thôn Tân H, xã Phúc T. Ly hôn, anh đồng ý để chị A trực tiếp nuôi dưỡng con Ph, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A 1.000.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Ph đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Anh Phạm Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị xin được vắng mặt đề ngày 19 tháng 6 năm 2024, bị đơn chị Đỗ Thị A trình bày:

Về thời gian, điều kiện và thủ tục kết hôn như anh B đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị và anh B chỉ chung sống được 01 tháng, sau đó anh chị nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn với anh Bình, vì vợ chồng không còn tình cảm và thời gian sống ly thân quá lâu.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Phạm Quang Ph, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2016. Hiện nay con Ph đang ở với chị và bố mẹ đẻ

chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con Ph và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con Phi cho chị theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Chị Đỗ Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đỗ Thị A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cho phép chị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị vì chị không biết đi xe máy. Quan điểm của chị là đồng ý ly hôn với anh B, xin nuôi con Đỗ Phạm Quang Ph và đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con.

3. Biên bản xác minh ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư thể hiện: Anh B và chị A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thành vào ngày 04 tháng 8 năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với mẹ đẻ anh Bình tại thôn Hữu Hương, xã Phúc Thành. Tuy nhiên, anh chị chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn sâu xa thì địa phương không nắm được. Địa phương chỉ biết sau khi kết hôn được khoảng 01 tháng thì anh chị mâu thuẫn căng thẳng và anh chị sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị A, địa phương thấy anh chị sống ly thân thời gian dài, hôn nhân khó có thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng thực tế của vợ chồng anh chị, nguyện vọng của anh Bình và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Phạm Quang Ph, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2016. Hiện nay con Ph đang ở với chị A và bố mẹ đẻ chị A ở thôn Tân Hương, xã Phúc Thành. Ly hôn, địa phương đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự để giải quyết.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung. Anh chị không có nợ chung đối với tổ chức xã hội nào tại địa phương.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 19 tháng 6 năm 2024, ông Đỗ Quang T (là bố đẻ của chị Đỗ Thị A) trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng giống như anh B đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình anh Bình tại thôn Hữu Hương, xã Phúc Thành. Anh chị chỉ chung sống được một thời gian rất ngắn thì nảy sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp. Từ tháng 9/2015, chị A đã bỏ về nhà ông ở, từ đó anh chị sống ly thân với nhau. Nay anh Bình có đơn xin ly hôn chị A thì gia đình ông cũng đồng ý để anh chị ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Phạm Quang Ph, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2016. Từ khi con Ph sinh ra cho đến nay, con Ph đều ở với chị A và vợ chồng ông ở thôn Tân Hương, xã Phúc Thành, do chị A và vợ chồng ông trực tiếp chăm sóc. Ly hôn, đề nghị Tòa án tiếp tục giao con Ph cho chị A nuôi dưỡng; vợ chồng ông sẽ hỗ trợ chị A trong việc chăm sóc, trông nom, nuôi dạy con Phi. Hiện chị A lao động tại địa phương và phụ giúp vợ chồng ông trong việc trồng trọt, chăn nuôi. Vợ chồng ông cam đoan sẽ phụ cấp, bù đắp thêm để chị A nuôi con. Về chỗ ở thì mẹ con chị A và cháu Phsống cùng nhà với vợ chồng ông, ông đảm bảo chỗ ăn ở ổn định cho hai mẹ con chị A.

Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Ngoài ra anh chị không vay mượn gì gia đình ông và đóng góp tu bổ gì vào khối tài sản chung của gia đình ông.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, Điều 11 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị An; Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Phạm Quang Phi, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2016; anh B tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con Ph cho chị A số tiền một triệu đồng/tháng, cho đến khi con Ph đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Do anh B, chị A đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh B và chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; anh Bình phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Phạm Văn B khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Đỗ Thị A có đăng ký thường trú tại thôn Tân Hương, xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị A đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị A đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thành vào ngày 04 tháng 8 năm 2015 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên anh chị chỉ chung sống được khoảng 01 tháng thì đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống ly thân, mỗi người một nơi. Bản thân chị A và bố đẻ chị A đều trình bày anh chị đã sống ly thân với nhau một thời gian rất dài, hôn nhân không thể hàn gắn và đều đồng ý để anh B ly hôn chị A. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh Bình và chị An đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh Phạm Văn B được ly hôn chị Đỗ Thị A.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị A có 01 con chung là Đỗ Phạm Quang Phi, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2016. Hiện nay con Ph đang ở với chị A và bố mẹ đẻ chị An ở thôn Tân Hương, xã Phúc Thành. Chị A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Bình đồng ý để chị A tiếp tục được nuôi dưỡng con Ph. Về điều kiện nuôi con: Chị A hiện đang lao động tự do tại xã Phúc Thành. Về nơi ở, hiện chị A và con Ph đang sinh sống ổn định tại nhà của bố mẹ đẻ chị An ở thôn Tân Hương, xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Bố mẹ đẻ chị An tạo điều kiện chỗ ăn, chỗ ở đàng hoàng, ổn định cho chị A và con Ph sinh sống. Ngoài ra, bố mẹ đẻ chị A còn hỗ trợ và chu cấp thêm cho chị An trong việc chăm sóc, trông nom, nuôi dạy con Ph. Vì vậy cần giao con Đỗ Phạm Quang Ph cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anh B tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con Ph cho chị A số tiền một triệu đồng/tháng, kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Phi đủ 18 tuổi.

[**2.3**] **Về tài sản**: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị A không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[**2.4**] **Về án phí**: Anh B và chị An phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (mỗi bên 75.000 đồng) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhưng anh Bình tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn và anh B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án, Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị A.

2. **Về quan hệ con chung:** Xử giao cho chị Đỗ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Phạm Quang Ph, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2016. Ghi nhận việc anh Bình tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con Phi cho chị An số tiền một triệu đồng/tháng, kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Phi đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn Bình có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị Đỗ Thị A và Phạm Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.**Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn B tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp theo biên lai số 0001662 ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư. Anh B còn phải nộp 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Huyền